TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 302/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 15 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 411/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Hoàng N, sinh năm: 1981;

- Bà Trần Thị Bạch Y, sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: Số 531A/3, ấp B, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: ông Trần Hoàng N và bà Trần Thị Bạch Y tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/11/2015 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/10/2019, ông N và bà Y tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Duy A, sinh ngày 28/11/2015. Ông N và bà Y thỏa thuận: sau khi ly hôn, bà Trần Thị Bạch Y là người trực tiếp nuôi con chung tên Trần Duy A, sinh ngày 28/11/2015. Ghi nhận việc bà Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: ông Trần Hoàng N và bà Trần Thị Bạch Y tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông Trần Hoàng N và bà Trần Thị Bạch Y cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Hoàng N và bà Trần Thị Bạch Y phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Hoàng N và bà Trần Thị Bạch Y tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Bà Trần Thị Bạch Y là người trực tiếp nuôi con chung tên Trần Duy A, sinh ngày 28/11/2015. Ghi nhận việc bà Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Trần Hoàng N và bà Trần Thị Bạch Y tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: ông Trần Hoàng N và bà Trần Thị Bạch Y cùng khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Trần Hoàng N và bà Trần Thị Bạch Y phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông N và bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005278 ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- UBND xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hoàng Út